

Bản án số: 55/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 17/5/2021
V/v: “Tranh chấp về hôn nhân
và gia đình - Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TS, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Minh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Thanh Liêm

2. Ông Phan Thanh Tùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thanh Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TS tham gia phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TS xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2021 về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 94/2021/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Huỳnh Công S, sinh năm 1972 (Có mặt)

Địa chỉ: : ấp TH B, thị trấn OE, huyện TS, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Chị Lê Thị Đ, sinh năm 1977 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp TH B, thị trấn OE, huyện TS, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh Huỳnh Công S trình bày:*

Anh và chị Lê Thị Đ tự tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1992, không tổ chức đám cưới nhưng có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Vọng Thê, huyện TS, tỉnh An Giang ngày 29/9/1997. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, có 02 con chung tên Huỳnh Tấn L, sinh ngày 03/01/1994 và Huỳnh Thị Cẩm N, sinh ngày 04/4/1996. Nhưng đến khoảng năm 1998 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn phù hợp, vợ chồng thường hay cự cãi, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Mặc dù anh đã nhiều lần cố gắng duy trì cuộc sống hôn nhân để nuôi dạy con cái nhưng không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2002 cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm không còn, cuộc sống hôn nhân không thể hàn gắn và kéo dài nên anh yêu cầu được ly hôn chị Lê Thị Đ.

- *Về quan hệ con chung*: Có 02 con chung tên Huỳnh Tấn L, sinh ngày 03/01/1994 và Huỳnh Thị Cẩm N, sinh ngày 04/4/1996, các con đã thành niên.

- *Về quan hệ tài sản*:

+ Về tài sản chung: Không có.

+ Về nợ chung: Không có.

* *Về phía bị đơn chị Lê Thị Đ*: Trong quá trình thụ lý vụ án và hòa giải, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật và triệu tập hợp lệ đương sự đến lần thứ hai nhưng chị Đ không gửi văn bản ghi ý kiến của bản thân, cũng không đến tham gia phiên hòa giải nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của chị Đ.

* *Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm*: Việc Tòa án tiến hành thụ lý giải quyết là đúng theo trình tự thủ tục và thẩm quyền, trong quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự trong vụ án cũng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Về nội dung: Căn cứ theo các quy định của pháp luật, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Huỳnh Công S.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Huỳnh Công S được ly hôn chị Lê Thị Đ.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Huỳnh Tấn L, sinh ngày 03/01/1994 và Huỳnh Thị Cẩm N, sinh ngày 04/4/1996, các con đã thành niên nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, bị đơn chị Lê Thị Đ có địa chỉ tại ấp TH B, thị trấn OE, huyện TS, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TS theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn chị Lê Thị Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn chị Lê Thị Đ.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Huỳnh Công S với chị Lê Thị Đ chung sống với nhau từ năm 1992, không tổ chức đám cưới nhưng có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Vọng Thê, huyện TS, tỉnh An Giang ngày 29/9/1997. Vì vậy, đây là hôn nhân hợp pháp phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của anh Huỳnh Công S, Hội đồng xét xử xét thấy: Anh S và chị Đ sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc và có 02 con chung tên Huỳnh Tấn L, sinh ngày 03/01/1994 và Huỳnh Thị Cẩm N, sinh ngày 04/4/1996. Nhưng đến khoảng năm 1998 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn phù hợp, vợ chồng thường hay cự cãi, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Mặc dù anh đã nhiều lần cố gắng duy trì cuộc sống hôn nhân để nuôi dạy con cái nhưng không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2002 cho đến nay. Về phía chị Đ, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho chị Đ, tạo điều kiện cho chị Đ hàn gắn tình cảm với anh S nhưng chị Đ không đến tham dự các phiên hòa giải, xét xử và cũng không có văn bản nào nêu ý kiến phản đối về yêu cầu khởi kiện của anh S, cho thấy chị Đ không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng với anh S để xây dựng hạnh phúc gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa anh S và chị Đ đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó có đủ căn cứ để áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Huỳnh Công S.

[2.2] Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Huỳnh Tấn L, sinh ngày 03/01/1994 và Huỳnh Thị Cẩm N, sinh ngày 04/4/1996, các con đều đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về quan hệ tài sản:

- Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Do anh Huỳnh Công S yêu cầu giải quyết ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, Điều 56, của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Huỳnh Công S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Huỳnh Công S được ly hôn chị Lê Thị Đ.

Giấy chứng nhận kết hôn số 00105 ngày 29 tháng 9 năm 1997 của Ủy ban nhân dân xã Vọng Thê, huyện TS, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Huỳnh Tấn L, sinh ngày 03/01/1994 và Huỳnh Thị Cẩm N, sinh ngày 04/4/1996, các con đều đã thành niên.

3. Về quan hệ tài sản:

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Ghi nhận anh Huỳnh Công S và chị Lê Thị Đ không có nợ chung, nhưng sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của anh, chị trong thời kỳ sống chung thì anh Huỳnh Công S và chị Lê Thị Đ vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách là đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

4. Về án phí: Anh Huỳnh Công S phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng (*Ba*

trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008173 ngày 15 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TS, tỉnh An Giang.

5. Anh Huỳnh Công S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Lê Thị Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại Trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện TS;
- Chi cục THADS huyện TS;
- UBND xã Vọng Thê, huyện TS, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Minh Tâm